

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN TRONG TƯ TƯỞNG ĐẠI ĐOÀN KẾT CỦA HỒ CHÍ MINH

Đỗ Thị Thùy Trang (*)

(*) Tiên sĩ, Trường Đại học Tài chính - Kế toán.

Email: dothithuytrang@tckt.edu.vn

Nhận ngày 15 tháng 6 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 30 tháng 7 năm 2020.

Tóm tắt: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết là một trong những cống hiến to lớn, có giá trị lý luận và ý nghĩa thực tiễn sâu sắc đối với cách mạng Việt Nam. Nó chính là kết quả của sự chất lọc tinh tế tinh hoa văn hóa dân tộc và nhân loại, vừa mang hơi thở của cuộc sống và thời đại. Hồ Chí Minh đã chỉ ra đại đoàn kết là cội nguồn của sức mạnh, là thứ sức mạnh nội sinh mà không thế lực nào có thể đánh bại. Do đó, việc hiểu rõ và vận dụng đúng đắn tư tưởng đại đoàn kết của Người có ý nghĩa quyết định đến thành công của cách mạng. Từ quá trình nghiên cứu nội dung, bài viết rút ra một số đặc điểm cơ bản trong tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh nhằm góp phần làm sâu sắc hơn tư tưởng đại đoàn kết của Người.

Từ khóa: Hồ Chí Minh, đại đoàn kết, dân tộc và thời đại, nhân văn, thực tiễn.

Mặc dù Hồ Chí Minh không để lại một tác phẩm nào chuyên về đoàn kết nhưng qua việc làm, bài viết và những lời dặn dò đầy ân cần của Người đã cho thấy, triết lý nổi bật, xuyên suốt trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh là tư tưởng về đoàn kết. Người đã sớm nhận ra vai trò to lớn của đại đoàn kết; đại đoàn kết chính là cội nguồn sức mạnh và là động lực to lớn của cách mạng, vừa là chiến lược, vừa là mục tiêu của sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Do đó, Hồ Chí Minh đã gắn bó cả cuộc đời mình với việc chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng một xã hội tốt đẹp trong đó mọi người đều có cơ hội phát huy khả năng sáng tạo, đều được

hưởng thụ những thành quả vật chất và tinh thần đã đạt được...

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, khái niệm đoàn kết không chỉ hạn hẹp trong cuộc sống mà còn mang ý nghĩa bao quát hơn khi mở rộng phạm vi đoàn kết trong Đảng, đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế. Người xác định đối tượng đại đoàn kết một cách rộng rãi là đoàn kết toàn dân, không phân biệt lứa tuổi, giai cấp, tầng lớp xã hội, tôn giáo, dân tộc, đoàn thể và đảng phái khác nhau, miễn là cùng hướng đến lợi ích chung của nhân dân và của dân tộc. Nét độc đáo và sâu sắc trong tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh và cũng là yếu tố giúp Người vượt

qua các vị tiền bối khác, đưa tư tưởng đại đoàn kết của Người được sử dụng và phát huy có hiệu quả; đó chính là Người đã xuất phát từ lợi ích và giải quyết mối quan hệ giữa các loại lợi ích, nhận thấy mỗi loại lợi ích đều có một vị trí, vai trò đối với việc thúc đẩy hành động của con người. Việc giải quyết một cách công bằng, hợp tình, hợp lý mối quan hệ giữa lợi ích vật chất và tinh thần, lợi ích chung và riêng, lợi ích trước mắt và lâu dài; làm sáng tỏ lợi ích là cơ sở cho sự gắn kết các giai cấp, tầng lớp và tộc người khác nhau; từ đó mới có thể xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân vững chắc. Khi lợi ích chính đáng được bảo vệ trên thực tế và mọi người dân tìm thấy lợi ích riêng của mình trong lợi ích chung thì nó sẽ là động lực thúc đẩy mọi người gắn kết với nhau cùng hành động hướng tới lợi ích chung, phục vụ cho lợi ích chung. Và, lợi ích chung, tối cao nhất chính là độc lập, chủ quyền dân tộc và đó là mẫu số chung cho sự đoàn kết giai cấp, tầng lớp, tôn giáo, tộc người.

Việc giải quyết đúng đắn các mối quan hệ lợi ích, tạo động lực thúc đẩy toàn dân tham gia vào khối đại đoàn kết đã góp phần phát huy các nguồn lực khác nhau, tạo nên sức mạnh tổng hợp của dân tộc. Theo Hồ Chí Minh, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân phải đảm bảo các nguyên tắc sau: Lấy lợi ích dân tộc làm cơ sở, động lực, mục đích để thúc đẩy sự nghiệp cách mạng Việt Nam; thực hiện dân chủ trên cơ sở liên minh công nông, trí thức làm nền tảng; xây dựng nhà nước

pháp quyền của dân, do dân, vì dân; đoàn kết trong Mặt trận dân tộc thống nhất và có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết chân thành, thân ái, thẳng thắn theo nguyên tắc tự phê bình, phê bình vì sự thống nhất bền vững; đại đoàn kết dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế, chủ nghĩa yêu nước chân chính phải gắn liền với chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Với Hồ Chí Minh, phát huy sức mạnh của dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân là một xu thế tất yếu. Điều này đã thể hiện tầm nhìn vĩ đại của một vị lãnh tụ thiên tài.

Việc xác định đối tượng của đại đoàn kết là toàn dân, khẳng định vai trò của đại đoàn kết và đưa ra nguyên tắc thực hiện đại đoàn kết như trên đã chứng tỏ tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh mang tính toàn diện, hệ thống, khoa học, lôgic - lịch sử, phản ánh đúng đắn quy luật vận động và phát triển của cách mạng Việt Nam. Từ những nội dung đó, tư tưởng đại đoàn kết của Người nổi bật lên một số đặc điểm sau:

1. Tính dân tộc và thời đại trong tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh

Khi khẳng định một học thuyết, tư tưởng mang tính dân tộc và thời đại có nghĩa là học thuyết, tư tưởng đó vừa phản ánh những đặc trưng, bản chất của dân tộc; đồng thời vừa kết hợp với những yếu tố bên ngoài để tạo ra sự phù hợp với bối cảnh của thời đại. Không chỉ là vị lãnh tụ vĩ đại của Đảng và Nhà nước Việt Nam,

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là người chiến sĩ tiên phong của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới; do đó, vấn đề đại đoàn kết dân tộc được Người nhìn nhận một cách hài hòa giữa quốc gia và quốc tế, giữa dân tộc và giai cấp, xem xét và giải quyết đúng đắn mối quan hệ đó dưới góc độ chiến lược và sách lược của cách mạng. Chính điều này đã tạo nên tính dân tộc và thời đại trong tư tưởng về đại đoàn kết của Người.

Với tầm vóc của một vị lãnh tụ thiên tài, tính dân tộc trong tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh không phải chỉ đơn giản xem xét vấn đề dưới góc độ truyền thống theo bản tính của người Việt Nam là cố kết cộng đồng, mà chính là ở chỗ Người đã đề cao những yếu tố phù hợp với hoàn cảnh và lợi ích của dân tộc trong mọi quyết sách của mình.

Hồ Chí Minh cho rằng, “đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác”¹. Điều này chứng tỏ trong việc xác định đối tượng của đại đoàn kết, Hồ Chí Minh đã cố gắng tập hợp mọi lực lượng, không phân biệt già trẻ, gái trai, tầng lớp, giai cấp... Vì mỗi người đều thuộc giai cấp này hoặc giai cấp khác, không ai đứng ngoài giai cấp và mỗi giai cấp có vị trí, vai trò khác

nhau, nếu biết đoàn kết sẽ khai thác, phát huy tối đa sức mạnh tổng hợp của dân tộc. Do đó, Hồ Chí Minh đưa ra chủ trương, “Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông... để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập”². Thực hiện những điều này, Hồ Chí Minh đã nêu cao tinh thần dân tộc của tất cả mọi người Việt Nam; bởi Người hiểu rất rõ, ai cũng chỉ có một quê hương, một cội nguồn dân tộc, đó là điểm xuất phát chung vô cùng thiêng liêng. Vì vậy, cho dù không cùng giai cấp, khác biệt về đảng phái, nhưng người ta vẫn sẵn sàng bắt tay nhau, đoàn kết chống lại kẻ thù của dân tộc. Đây là điểm thể hiện rõ nét nhất tính dân tộc trong tư tưởng đại đoàn kết của Người.

Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, Hồ Chí Minh chủ trương sắp xếp lực lượng cách mạng một cách sáng tạo, phù hợp với tình hình, đặc điểm của dân tộc. Qua phân tích tình hình thực tiễn lịch sử và thời đại, mặc dù nhận thấy ở nước ta có hơn 90% dân số là nông dân, giai cấp công nhân còn nhỏ bé, nhưng Người vẫn luôn khẳng định: “Trong thời đại ngày nay, giai cấp công nhân là giai cấp độc nhất và duy nhất có sứ mệnh lịch sử là

¹ Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, t.7, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.438.

² Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, t.3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.3.

lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi cuối cùng, bằng cách liên minh với giai cấp nông dân”³ và “chỉ có khối liên minh công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo mới có thể kiên quyết và triệt để đánh đổ các thế lực phản cách mạng, giành lấy và củng cố chính quyền của nhân dân lao động, hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của cách mạng dân tộc, dân chủ và tiến lên chủ nghĩa xã hội”⁴. Theo Người, với khẩu hiệu “Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại!” của V.I.Lênin thì giai cấp công nhân phải thiết lập liên minh chính trị với giai cấp nông dân, trên cơ sở đó đoàn kết toàn thể lực lượng dân tộc trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Giai cấp công nhân trước hết phải chịu trách nhiệm lịch sử trước dân tộc, qua đó góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới và xem đó là sứ mệnh lịch sử của mình. Đây là luận điểm vô giá, thể hiện sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của đất nước; bởi Hồ Chí Minh đã nhận thấy, giai cấp công nhân Việt Nam sẽ bị tước bỏ vai trò lịch sử nếu thoát ly khỏi cộng đồng dân tộc, nhất là trong điều kiện giai cấp này khi đó chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ bé, chưa đầy 1% dân số. Với sự thể hiện lập trường giai cấp mang tính nguyên tắc đó, Hồ Chí Minh đã khéo léo kết hợp hài hòa lợi ích giai cấp với lợi ích dân tộc, dựa trên mẫu số chung là đặt quyền lợi tối cao của dân tộc lên trên hết và trước hết. Như vậy, trong việc xây dựng lực lượng cách mạng, Hồ Chí Minh chủ trương “lấy liên minh công

nông làm nòng cốt” là phù hợp điều kiện lịch sử dân tộc và thời đại; nhờ đó mà Người có sự đánh giá chính xác khả năng, vai trò của các thành phần giai cấp, tầng lớp cụ thể trong xã hội, từ đó đề ra được sách lược đoàn kết đúng đắn.

Như vậy, tính dân tộc và thời đại của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết được thể hiện rõ trong chủ trương tập hợp rộng rãi lực lượng cách mạng và xác định lực lượng cách mạng nòng cốt. Ở Người đã nổi bật lên tầm vóc của vị lãnh tụ thiên tài của dân tộc và người chiến sĩ tiên phong của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới khi kết hợp một cách nhuần nhuyễn những yếu tố của dân tộc và thời đại. Mục đích cao nhất của Hồ Chí Minh trong việc tập hợp mọi lực lượng cách mạng, phát huy sức mạnh toàn dân là hướng tới những lợi ích tối cao của dân tộc, mà cơ bản và cấp thiết nhất là giành được độc lập dân tộc. Gắn đoàn kết dân tộc với đoàn kết quốc tế, Người đã đặt cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới. Qua đó, Hồ Chí Minh muốn khẳng định sức mạnh, nâng tầm vóc dân tộc ta với các bạn bè thế giới; đồng thời kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tranh thủ cả nội lực và ngoại lực để đem lại thắng lợi cho cách mạng Việt Nam.

³ Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương (1975), *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Tiểu sử và sự nghiệp*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.25.

⁴ Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, t.12, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.303-304.

2. Tính thực tiễn trong tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông”⁵. Có lẽ vì thế mà luôn có sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong hệ thống tư tưởng của Người. Tư tưởng đại đoàn kết cũng không phải là ngoại lệ; bởi nó chứa đựng nhiều nội dung giàu tính thực tiễn. Ở Hồ Chí Minh, giữa lý luận đoàn kết và thực tiễn đoàn kết có sự thống nhất hữu cơ không tách rời nhau.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết luôn lấy con người và thực tiễn xã hội Việt Nam làm điểm xuất phát. Mục đích tối cao và xuyên suốt trong tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh là giải phóng con người, là xây dựng con người mới - con người hoàn toàn được độc lập, tự do và được quyền mưu cầu hạnh phúc. Khi đưa ra quan điểm về đại đoàn kết, Hồ Chí Minh đã khéo léo chọn điểm xuất phát từ chính nhu cầu của cuộc sống, khái quát từ cuộc sống rồi trở lại phục vụ cuộc sống, làm cho nội dung và phương thức phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc hết sức phong phú, sinh động, thiết thực, hiệu quả.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết là kết quả của quá trình nghiên cứu sâu sắc và bám sát thực tiễn cách mạng Việt Nam của Người. Sự gắn bó hữu cơ giữa đoàn kết giai cấp, dân tộc và quốc tế là hoàn toàn phù hợp với nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam. Trong điều kiện nước ta

còn nghèo nàn về kinh tế, lạc hậu về khoa học kỹ thuật, trình độ lực lượng sản xuất thấp, lại bị áp bức bóc lột “một cổ hai tròng” thì việc tiến hành đoàn kết rộng rãi từ đoàn kết giai cấp, đoàn kết dân tộc đến đoàn kết quốc tế giúp phát huy được nội lực, tranh thủ được ngoại lực; có như vậy mới tạo ra sức mạnh tổng hợp để đưa đất nước thoát khỏi đói nghèo, lạc hậu, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân lao động. Hồ Chí Minh không chỉ xuất phát từ điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội Việt Nam, mà còn gắn liền với hoàn cảnh, điều kiện của từng giai đoạn lịch sử để đưa ra những nội dung và phương pháp đoàn kết có hiệu quả nhất. Người nói, “trong việc phá hoại chống kẻ thù đòi độc lập thì dễ dàng kéo cả toàn dân. Trong việc kiến thiết thì khó kéo hơn, vì nó đụng chạm đến quyền lợi riêng của một đôi giai tầng (tầng lớp, giai cấp) trong nước”⁶. Việc xây dựng đại đoàn kết trong giai đoạn kiến thiết nước nhà tuy có khó hơn lúc đánh giặc giành độc lập tự do, nhưng không có nghĩa là không thể đoàn kết được. Từ việc phân tích những đặc điểm, tình hình khác nhau trong những thời kỳ lịch sử khác nhau (thời kỳ kháng chiến và thời kỳ kiến quốc), Người đã đưa ra được những chiến lược và sách lược phù hợp cho từng thời kỳ. Do đó, có thể nói, tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí

⁵ Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, t.8, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.496.

⁶ Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.20.

Minh luôn gắn với điều kiện lịch sử cụ thể và giải quyết những vấn đề, công việc cụ thể của thực tiễn cách mạng Việt Nam. Chính vì thế, những sách lược và chiến lược thực hiện đại đoàn kết hết sức mềm dẻo và linh hoạt góp phần tạo ra thời, thế và lực cho cách mạng nước ta; đồng thời đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ biện chứng giữa chúng cho lực ngày càng mạnh, thế ngày càng vững và thời cơ không bị bỏ lỡ. Nhờ vận dụng tư tưởng đại đoàn kết của Người mà chúng ta đã xây dựng được khối đại đoàn kết toàn dân luôn gắn liền với yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể của từng giai đoạn, thời kỳ cách mạng khác, nhưng vẫn luôn thể hiện tính liên tục, tính biện chứng của sự kế thừa, sự nối tiếp xuyên suốt quá trình vận động, biến đổi, phát triển của lịch sử cách mạng Việt Nam.

Một học thuyết, lý luận có giá trị khoa học cao phải có nguồn gốc, động lực từ thực tiễn, nhưng sau khi ra đời, học thuyết, lý luận ấy phải quay trở lại phục vụ chính thực tiễn đã sản sinh ra nó. Không nằm ngoài quy luật đó, tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh luôn được khái quát từ thực tiễn, được mài dũa bởi thực tiễn; coi thực tiễn là cơ sở, mục đích, động lực và tiêu chuẩn để xây dựng khối đại đoàn kết. Chính vì xuất phát từ thực tiễn nên tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh khi được vận dụng vào thực tiễn đã tạo nên một thứ sức mạnh to lớn mà không một thế lực nào có thể đánh bại được. Do đó, nó đã có tác dụng thúc đẩy thực tiễn, làm thực tiễn biến đổi theo

hướng tích cực hơn khi phục vụ cho sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc và tiến bộ xã hội.

Sở dĩ tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh khi áp dụng vào thực tiễn đã tạo được sự phù hợp và mang lại hiệu quả cao, bởi tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết không chỉ là sự kế thừa một cách sáng tạo truyền thống văn hóa đoàn kết của dân tộc, mà còn là sự tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa nhân loại. Chính sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa tính truyền thống và hiện đại đã làm cho tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết thực sự gần gũi, thiết thực, thấm nhuần triết lý hành động của phương Đông và luôn mang hơi thở của thời đại. Do đó, nó đã được nhân dân ta đón nhận và trở thành “sâu rễ, bền gốc” trong suy nghĩ và hành động của con người Việt Nam. Đó là linh hồn sống, là khí huyết của sự kết tinh, hội tụ những giá trị chân chính và là sức mạnh nội sinh của dân tộc. Vì thế, tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp nhân tố con người Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng; đoàn kết để “đem sức ta mà giải phóng cho ta”; đoàn kết để nêu cao tinh thần độc lập, ý chí tự lực, tự cường, tự chủ; đoàn kết để nêu cao tinh thần tương thân tương ái, “lá lành đùm lá rách” và tinh thần cố kết cộng đồng: Một cây làm chẳng nên non/ Ba cây chụm lại lên hòn núi cao... là hoàn toàn phù hợp với dân tộc ta - một dân tộc yêu nước, anh hùng và giàu lòng nhân ái.

Như vậy, tính thực tiễn trong tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh thể hiện rõ ở việc phản ánh lịch sử đấu tranh, khí phách anh hùng, lòng yêu nước của dân tộc. Những sách lược và chiến lược đại đoàn kết của Người phù hợp với từng thời kỳ cách mạng khác nhau đã phát huy sức mạnh nội sinh của dân tộc ở mức độ cao nhất, để huy động tất cả các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực con người nhằm chinh phục tự nhiên, cải tạo xã hội, khắc phục tình trạng nghèo nàn, lạc hậu; diệt được giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm.

3. Tính nhân văn trong tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh

Trong tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh, từ tính chất, vị trí, vai trò, mục đích, nội dung, phương pháp xây dựng khối đại đoàn kết đã làm nổi bật lên tính nhân văn sâu sắc khi lấy con người làm điểm xuất phát và giải phóng con người làm mục đích cuối cùng.

Theo Hồ Chí Minh, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân là nhằm giải phóng các dân tộc khỏi bị nô dịch, giải phóng giai cấp bị áp bức và giải phóng con người khỏi gông cùm, kim kẹp để trở thành người làm chủ, thành chủ nhân của lịch sử. Việc đặt con người ở vị trí trung tâm, đề cao những giá trị cao đẹp và những quyền lợi chính đáng của con người luôn được thể hiện một cách nhất quán trong nhận thức và hành động của Người. Mục đích cao cả của chiến lược đoàn kết là vì sự nghiệp giải phóng con người. Đó

không phải là con người chung chung, trừu tượng, mà là những con người cụ thể, được giải phóng khỏi mọi sự áp bức và nô dịch, biết hướng đến những giá trị xã hội tốt đẹp với những lý tưởng cao cả, có đầy đủ những điều kiện để vươn lên làm chủ bản thân, làm chủ xã hội và được hưởng những thành quả lịch sử do mình tạo ra. Chính những khát vọng và mục đích cao cả mà Hồ Chí Minh đã đặt ra trong việc tập hợp lực lượng, xây dựng khối đại đoàn kết và phát huy sức mạnh toàn dân đã chứng tỏ Người là một nhà nhân văn sâu sắc. Chính vì thế mà Hồ Chí Minh được nhân dân Việt Nam và cả thế giới kính yêu và suy tôn là “vị anh hùng giải phóng dân tộc”, “nhà văn hóa lớn”. Để ca ngợi công lao của Người, Nghị quyết UNESCO viết: “Một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội... Sự đóng góp quan trọng về nhiều mặt của Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và nghệ thuật là kết tinh của truyền thống hàng ngàn năm của nhân dân Việt Nam và những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau”⁷. Hồ Chí

⁷ *Tư tưởng Hồ Chí Minh - Di sản văn hóa dân tộc* (2002), Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội, tr.5.

Minh đã trở thành biểu tượng nhân văn, nhân ái cho toàn thể dân tộc Việt Nam.

Hồ Chí Minh kêu gọi đại đoàn kết toàn dân nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người; độc lập dân tộc gắn liền với tiến bộ xã hội. Đó vừa là yêu cầu khách quan, vừa là khuynh hướng tất yếu của sự nghiệp giải phóng dân tộc; bởi mục tiêu của việc giành độc lập dân tộc chính là thực hiện những quyền cơ bản, tối thiểu của con người; xóa bỏ tình trạng đói nghèo, lạc hậu, bóc lột và áp bức... Người đã nhận thấy rằng, chỉ khi xóa bỏ tận gốc tình trạng áp bức, bóc lột, thiết lập nhà nước thực sự do dân làm chủ mới bảo đảm cho người lao động có quyền làm chủ, được no đủ, sung sướng, hạnh phúc. Thực hiện đại đoàn kết toàn dân nhằm đem lại thắng lợi cho cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, tạo điều kiện để phát triển hài hòa giữa cá nhân và xã hội, giữa độc lập dân tộc với tự do, hạnh phúc của con người. Cả cuộc đời, Hồ Chí Minh không chỉ cống hiến hết mình cho độc lập dân tộc và thống nhất cho Tổ quốc mình, “làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”⁸; mà còn đấu tranh cho độc lập của tất cả các dân tộc thuộc địa, bị áp bức khác. Người không chỉ chăm lo cho dân tộc mình, đất nước mình, mà còn trải rộng tình yêu thương bao la tới toàn thể nhân loại. Để

biến khát vọng cao cả ấy trở thành hiện thực, Người đã chỉ ra cho chúng ta một con đường đúng đắn, đó là phải đoàn kết trong đấu tranh, phải đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. Chính những giá trị nhân văn cao cả trong tư tưởng đại đoàn kết ấy đã làm Hồ Chí Minh luôn tỏa sáng trong lòng của dân tộc và trong lòng của bạn bè, nhân dân thế giới.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết không chỉ có ý nghĩa to lớn trong công cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc, mà còn có giá trị sâu sắc đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay. Bởi lẽ, tư tưởng đó được xây dựng trên cơ sở triết lý hành động, gắn liền với thực tiễn, yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam; phản ánh khát vọng độc lập tự do của dân tộc, mang hơi thở của cuộc sống và thời đại. Xuyên suốt tư tưởng đại đoàn kết đó chính là tinh thần nhân văn, nhân đạo cao cả, tất cả vì con người và cho con người, vì sự nghiệp giải phóng con người và phát triển con người toàn diện. Đó là những đặc điểm nổi bật trong tư tưởng đại đoàn kết của Người. Với những đặc điểm đó, tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh có sức sống mãnh liệt trong lòng dân tộc, trở thành kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. □

⁸ Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.161.